|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**Luật số: /QH.. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**LUẬT**

**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (SỬA ĐỔI)**

**(LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO)**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*

*Quốc hội ban hành Luật Khoa học và Công nghệ (Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo).*

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

**CHƯƠNG I.** **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Mở rộng phạm vi của Luật gồm: hoạt động khoa học, công nghệ *và đổi mới sáng tạo* (KH,CN&ĐMST), việc tổ chức thực hiện hoạt động KH,CN&ĐMST ; biện pháp bảo đảm phát triển KH,CN&ĐMST; quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Mở rộng đối tượng áp dụng của Luật: Tổ chức, cá nhân hoạt động KH,CN&ĐMST tại Việt Nam

**Điều 3.Giải thích từ ngữ:**

- Hoàn thiện các thuật ngữ đã được quy định trong Luật KH&CN năm 2013 để phù hợp với thông lệ quốc tế hoặc thực tiễn triển khai như: nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm, hoạt động KH&CN (mở rộng phạm vi thành hoạt động KH,CN&ĐMST), tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST, tổ chức nghiên cứu, phát triển.

- Bổ sung các thuật ngữ mới như: Hệ thống ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia; hệ thống ĐMST vùng; hệ thống ĐMST doanh nghiệp; hoạt động ĐMST, dự án ĐMST, hoạt động ĐMST, khởi nghiệp sáng tạo, thị trường công nghệ và các khái niệm liên quan đến thị trường công nghệ

- Hoàn thiện quy định về kết quả nghiên cứu KH&CN theo hướng xác định:

 + Kết quả nghiên cứu cơ bản là các báo cáo khoa học, các bài báo;

 + Kết quả nghiên cứu ứng dụng là các mô hình, bằng sáng chế (chưa phải là sản phẩm để thương mại hóa được ngay).

**Điều 4. Nhiệm vụ của hoạt động KH,CN&ĐMST**

Kế thừa Điều 4 Luật KH&CN

- Bổ sung nội hàm của ĐMST

- Bổ sung các nhiệm vụ của hoạt động khoa học tự nhiên

**Điều 5. Nguyên tắc hoạt động KH,CN&ĐMST**

- Kế thừa Điều 5 Luật KH&CN

- Bổ sung quy định mở rộng đối tượng sang khối ngoài công lập, ngoài tổ chức KH&CN

- Bổ sung quy định bảo đảm bình đẳng giới, hài hòa giữa các dân tộc.

- Bổ sung quy định chấp nhận rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học.

**Điều 6. Chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ và thúc đẩy đổi mới sáng tạo**

- Kế thừa Điều 6 Luật KH&CN

- Bổ sung chính sách Nhà nước phát triển những lực lượng KH&CN chiến lược, quan trọng nhất là các phòng thí nghiệm quốc gia, cơ quan nghiên cứu, phát triển KH&CN quốc gia, trường đại học, cao đẳng chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu, doanh nghiệp KH&CN hàng đầu; phát huy vai trò dẫn dắt, nâng đỡ của những đối tượng này trong những lĩnh vực then chốt, những định hướng trọng điểm.

**Điều 7. Kết quả của hoạt động KH,CN&ĐMST**

Xác định các sản phẩm, đầu ra của hoạt động KH,CN&ĐMST

**Điều 8.Hệ thống ĐMST quốc gia, Hệ thống ĐMST vùng**

- Quy định chung về hệ thống ĐMST quốc gia, hệ thống ĐMST vùng

- Quy định về lực lượng chủ lực tham gia hệ thống ĐMST quốc gia

**Điều 9. Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam**

Giữ nguyên Điều 7 Luật KH&CN

Ngày 18 tháng 5 hằng năm là Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam.

**Điều 10. Các hành vi bị cấm**

 Kế thừa Điều 8 Luật KH&CN

**Điều 11. Rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ** Quy định nguyên tắc về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

**Điều 12. Đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Quy định chung về nguyên tắc chung về đạo đức nghiên cứu, liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo *(Các khuyến nghị về đạo đức trong nghiên cứu trí tuệ nhân tạo (khuyến nghị của UNESCO)*

- Xử lý đối với trường hợp vi phạm về đạo đức nghiên cứu, liêm chính học thuật

(*Các nghiên cứu trong các lĩnh vực: y tế, công nghệ sinh học, công nghệ có liên quan đến con người phải được hội đồng đạo đức thông qua.*

*Các trường đại học, viện nghiên cứu.. tự ban hành quy định về liêm chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)*

**CHƯƠNG III. TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ TỔ CHỨC THÚC ĐẨY ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

**Điều 13. Hình thức và phân loại tổ chức khoa học và công nghệ**

- Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và cấp giấy chứng nhận tổ chức khoa học và công nghệ .

- Tổ chức khoa học và công nghệ công lập là tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện chức năng nghiên cứu, phát triển, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

- Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập là tổ chức khoa học và công nghệ do doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức không do cơ quan nhà nước thành lập thực hiện chức năng nghiên cứu, phát triển trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

-Điều chỉnh quy định theo hướng trường đại học không phải là tổ chức KH&CH mà là tổ chức giáo dục có chức năng nghiên cứu. Tách cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức có mục tiêu kinh doanh ra khỏi nhóm tổ chức khoa học và công nghệ.

Phân biệt rõ giữa tổ chức khoa học và công nghệ *(Tổ chức khoa học và công nghệ là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật)* với tổ chức có hoạt động khoa học và công nghệ).

- Chỉ quy định đăng ký hoạt động với tổ chức khoa học và công nghệ

**Điều 14. Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Kế thừa quy định tại Điều 10 Luật KH&CN năm 2013

Quy định nguyên tắc, thẩm quyền lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

**Điều 15. Cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

Quy định nguyên tắc về tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

- Giao kinh phí cho các tổ chức khoa học và công nghệ công lập dựa trên đánh giá định kỳ kết quả và hiệu quả hoạt động, gắn với thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra;

- Giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trong xây dựng cơ cấu tổ chức, tuyển dụng, sử dụng nhân lực, sử dụng kinh phí, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định về tổ chức KH&CN công lập với cơ chế tự chủ toàn diện về tài chính, về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự và hợp tác quốc tế.

**Điều 16. Điều kiện thành lập, đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 11 Luật KH&CN năm 2013 và sửa đổi quy định về điều kiện thành lập, bỏ quy định đăng ký tổ chức KH&CN

**Điều 17. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ**

- Thẩm quyền thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập, các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, chức tổ chức khoa học và công nghệ thành lập bởi một nhóm/ cá nhân.

- Giao Chính phủ quy định cụ thể trình tự, thủ tục thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể tổ chức khoa học và công nghệ

**Điều 18. Quyền của tổ chức khoa học và công nghệ**

- Sửa đổi theo hướng: Chỉ ghi những quyền riêng có của tổ chức KHCN, không ghi những quyền mà tổ chức khác cũng có

- Bổ sung quyền được miễn trách nhiệm dân sự trong trường hợp xảy ra thiệt hại, rủi ro gây ra cho Nhà nước trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình, quy định về nghiên cứu khoa học.

- Bổ sung quy định được cử cá nhân trong tổ chức KH&CN tham gia điều hành doanh nghiệp trực thuộc tổ chức KH&CN để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu của tổ chức mình.

**Điều 19. Nghĩa vụ của tổ chức khoa học và công nghệ**

- Sửa đổi theo hướng chỉ ghi những nghĩa vụ riêng có của tổ chức KHCN, không ghi những nghĩa vụ mà tổ chức khác cũng phải thực hiện.

- Bổ sung quy định tổ chức KH&CN phải ghi chính xác tên cơ quan chủ quản trên giấy tờ giao dịch, biển hiệu vì trên thực tế có những tổ chức ghi trên biển quảng cáo gây hiểu lầm về cơ quan chủ quản nhưng chưa có quy định để xử lý.

- Quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc chung về đạo đức trong nghiên cứu và giao về cho các tổ chức KH&CN tự quy định theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 20. Trách nhiệm tổ chức KH&CN của cơ quan, tổ chức thành lập tổ chức KH&CN**

Quy định nguyên tắc về nội dung, thời gian kiểm tra hoạt động của tổ chức KH&CN

**Điều 21. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài**

Kế thừa quy định tại Điều 15 Luật KH&CN

**Điều 22. Văn phòng đại diện, chi nhánh tại nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam**

**Điều 23. Tổ chức thúc đẩy ĐMST**

Quy định khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, vai trò của tổ chức thúc đẩy ĐMST

**Điều 24. Phát triển các tổ chức thúc đẩy ĐMST**

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ; trung tâm, sàn giao dịch công nghệ; chợ công nghệ - thiết bị.

- Các chính sách ưu đãi, đặc thù cho tổ chức thúc đẩy ĐMST

**Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức thúc đẩy ĐMST**

Quy định về quyền và nghĩa vụ cơ bản của tổ chức thúc đẩy ĐMST.

**CHƯƠNG III NHÂN LỰC TRONG LĨNH VỰC KH,CN&ĐMST**

**Điều 26. Chức danh cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

- Quy định các chức danh chung cho nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong mọi tổ chức, không phân biệt công lập hay ngoài công lập. Ngoài nhân lực nghiên cứu trong viện, trường, bổ sung các lực lượng:

(1) nhân lực quản lý KH&CN; (2) nhân lực trong doanh nghiệp; (3) nhân lực hoạt động độc lập và trong các tổ chức khác; (4) nhân lực là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài hoạt động KH&CN ở Việt Nam); (5) nghiên cứu sinh tiến sĩ và học viên cao học.

- Liên thông nhân lực giữa các tổ chức (công nhận thâm niên công tác để xếp vị trí việc làm và lương) (ngoài công lập chuyển vào công lập)

 - Ưu đãi thuế TNCN (cần nghiên cứu và xin ý kiến, tùy theo lĩnh vực, không gian)

- Bổ sung quy định trao đổi nhân lực nghiên cứu từ trường đại học sang viện nghiên cứu để nâng cao trình độ.

- Nghiên cứu quy định đặc biệt cho các nhóm nhà khoa học đầu ngành, nhà khoa học trẻ tài năng, nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng: bổ sung các nội dung xác định rõ tiêu chí và các chính sách ưu đãi, trọng dụng: điều kiện làm việc, việc sử dụng cơ sở vật chất, huy động nhân lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST.

**Điều 27. Quyền của cá nhân hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa Điều 20 Luật KH&CN

- Bổ sung các quy định đặc thù của cá nhân hoạt động ĐMST

- Bổ sung quy định được cử cá nhân từ viện nghiên cứu, trường đại học sang làm việc ở doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng. Được cử sang làm việc định kỳ ở doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp và định hướng nghiên cứu; giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

**Điều 28. Nghĩa vụ của cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa từ Điều 21 Luật KH&CN

- Bổ sung các quy định đặc thù của cá nhân hoạt động ĐMST

**Điều 29. Nhân lực trong hệ thống quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Nhà nước bảo đảm nguồn lực để định kỳ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức mới về quản trị KH,CN&ĐMST trong nước và ở nước ngoài; đào tạo về công nghệ thông tin và ngoại ngữ; tham gia giao lưu, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm với các đồng nghiệp làm quản lý KH,CN&ĐMST ở các nước tiến tiến; hình thành các cơ sở đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý có uy tín và năng lực ở trong nước để thực hiện được nhiệm vụ đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý KH&CN.

**Điều 30. Nhân lực trong các tổ chức khoa học và công nghệ**

- Quy định chức danh trong các tổ chức công lập (theo hướng vị trí việc làm). Giao Chính phủ quy định cụ thể thủ tục, quy trình xét công nhận, bổ nhiệm chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

- Bổ sung quy định được cử cá nhân từ viện nghiên cứu sang làm việc ở doanh nghiệp nhưng vẫn giữ nguyên lương, vẫn được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng. Được cử sang làm việc định kỳ ở doanh nghiệp để nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp và định hướng nghiên cứu; giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ; giao lưu học thuật; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh ở trong và ngoài nước. Được đánh giá đúng năng lực, xếp đúng vị trí việc làm

**Điều 31. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp**

- Quy định về việc đào tạo về kiến thức về công nghệ, quản trị công nghệ: hỗ trợ hoàn thiện ý tưởng, hoàn thiện sản phẩm, hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ với các kết quả nghiên cứu; hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm mới. Đối với nghiên cứu sinh tiến sĩ và học viên cao học: bổ sung học bổng nghiên cứu từ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu phát triển.

**Điều 32. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong trường đại học**

- Bổ sung quy định về đào tạo bồi dưỡng phù hợp với đối tượng: chính sách luân chuyển ngắn hạn giữa các tổ chức (công lập); vị trí trợ lý nghiên cứu, giảng dạy cho nghiên cứu sinh, học viên cao học; vị trí nghiên cứu sau tiến sỹ

- Chương trình học bổng tiến sỹ từ nguồn kinh phí KH&CN (luận án tiến sỹ; thạc sỹ nghiên cứu là kết quả nghiên cứu khoa học).

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để tạo điều kiện để học tập nâng cao trình độ; giao lưu học thuật; tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh ở trong và ngoài nước. Trong từng chương trình, đề tài cần có nhân lực hỗ trợ nghiên cứu thực sự chuyên nghiệp để giúp các nhà nghiên cứu chuẩn bị các hồ sơ, giấy tờ, kiểm soát tài chính, chi tiêu…

- Bổ sung quy định cử cán bộ nghiên cứu từ viện nghiên cứu, trường đại học định kỳ được cử sang làm việc ở doanh nghiệp. Trong thời gian làm việc ở doanh nghiệp, được giữ nguyên lương, được đưa vào quy hoạch, bổ nhiệm, được bảo đảm chế độ về thi đua, khen thưởng để tạo sự yên tâm trong công việc. Chính sách sẽ giúp cho cán bộ nghiên cứu từ khu vực viện, trường gắn kết hơn với hoạt động thực tiễn, hiểu được nhu cầu của doanh nghiệp, phục vụ cho xác định hướng nghiên cứu. Đồng thời, cán bộ nghiên cứu sẽ có cơ hội giới thiệu kết quả nghiên cứu cho doanh nghiệp; giúp doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiên cứu, chuyển giao kiến thức về công nghệ cho kỹ sư, kỹ thuật viên trong doanh nghiệp.

**Điều 33. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo độc lập và trong các tổ chức khác**

Quy định trong việc hỗ trợ, kết nối, hoàn thiện sản phẩm; đào tạo, nâng cao năng lực đối với các cá nhân hoạt động KH&CN độc lập

**Điều 34. Nhân lực hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là người Việt ở nước ngoài, người nước ngoài ở Việt Nam**

Quy định thu hút, ưu đãi, trọng dụng người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài ở Việt Nam

**CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH KH,CN&ĐMST**

**Điều 35*.* Ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa Điều 49 của Luật KH&CN:

“1. Nhà nước bảo đảm chi cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trung bình theo giai đoạn 5 năm tương ứng với giai đoạn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Ngân sách cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được ghi thành một mục chi riêng trong mục lục ngân sách nhà nước hằng năm của bộ, ngành, địa phương.

3. Việc phân bổ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của năm sau được thực hiện trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn và kết quả sử dụng ngân sách đã được phân bổ."

**Điều 36. Mục đích chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa từ Điều 50 Luật KH&CN 2013

- Bổ sung một số nội dung và cụm từ đổi mới sáng tạo: Bổ sung mục đích chi phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đổi mới sáng tạo (bao gồm cả các chương trình học bổng nghiên cứu sinh, sau tiến sĩ)

- Bổ sung các mục chi có liên quan đến: dự án ĐMST, hoạt động ĐMST; hoạt động đánh giá chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tổ chức KH&CN, tổ chức thúc đẩy ĐMST; học bổng nghiên cứu sinh; bổ sung thêm quy định về lập dự toán cho các chương trình KH&CN; bổ sung mục chi liên quan đến bản quyền xuất bản, patent để hỗ trợ tổ chức/cá nhân dùng chung.

- Đối với dự án ĐMST, việc chi hỗ trợ thông qua hỗ trợ đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ phòng thử nghiệm để đo đạc các thông số, hoàn thiện sản phẩm.

- Quy định về kinh phí cho hoạt động quản lý KH,CN&ĐMST, kể cả kinh phí để chi cho các cơ quan quản lý KH,CN&ĐMST nói chung, quản lý chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nói riêng.

**Điều 37. Xây dựng kế hoạch, xây dựng dự toán và quản lý việc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa từ Điều 51 Luật KH&CN 2013, chỉnh sửa theo hướng:

"1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hằng năm, trung hạn theo quy định của pháp luật và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ có ý kiến.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính lập dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ ~~theo~~**/trên cơ sở** đề xuất dự toán/ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ xây dựng đề xuất dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ hằng năm và đề nghị cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư, tài chính tổng hợp, xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm chi đúng, chi đủ kinh phí đã được phân bổ.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt dự toán chi ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.

4. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí khoa học và công nghệ đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tiến độ kế hoạch khoa học và công nghệ; đôn đốc, kiểm tra các ngành, các cấp nhằm bảo đảm sử dụng kinh phí khoa học và công nghệ đúng mục đích, hiệu quả."

- Bổ sung quy định về phân cấp, phân quyền trong phê duyệt kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, dự án ĐMST gắn với trách nhiệm báo cáo, kiểm tra, thanh tra.

**Điều 38. Khoán chi**

Kế thừa từ Điều 52 Luật KHCN năm 2013

**Điều 39. Cấp, sử dụng, quản lý kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu và phát triển, dự án đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước**

Kế thừa từ Điều 53 Luật KH&CN năm 2013:

"1. Việc cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước phải kịp thời, phù hợp với tiến độ đặt hàng và phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ của cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ.

Bổ sung quy định về thời điểm lập dự toán NSNN về KH&CN trên cơ sở Danh mục nhiệm vụ KH&CN được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và dự kiến tổng mức kinh phí; bổ sung quy định việc lập dự toán tổng mức kinh phí dự kiến trong một giai đoạn cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự kiến kinh phí phân bổ trong một năm cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN đưa vào xác định, tuyển chọn nhiệm vụ.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp thông qua quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Nhà nước hoặc chuyển vào tài khoản tiền gửi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Kho bạc Nhà nước. Kinh phí dự phòng cho nhiệm vụ KH&CN, dự án ĐMST đột xuất, cấp thiết.

3. Việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo ủy nhiệm chi của cơ quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và quyết toán khi kết thúc hợp đồng, không phụ thuộc vào năm tài chính.

4. Nhiệm vụ KH&CN (đề tài nghiên cứu & phát triển) sử dụng ngân sách nhà nước trong quá trình triển khai đã thực hiện các quy định, nội dung thuyết minh nhưng không đi đến kết quả theo đặt hàng thì không phải trả lại kinh phí đã sử dụng

5. Chính phủ quy định cụ thể Điều này."

- Bổ sung dự án ĐMST, sửa đổi, bổ sung khoản 1 tháo gỡ khó khăn vướng mắc về kinh phí sau khi có quyết định phê duyệt nhiệm vụ, bổ sung quy định việc lập dự toán tổng mức kinh phí dự kiến trong một giai đoạn cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự kiến kinh phí phân bổ trong một năm cho Chương trình KH&CN cấp quốc gia trên cơ sở danh mục nhiệm vụ KH&CN đưa vào xác định, tuyển chọn nhiệm vụ, bổ sung quy định về bố trí kinh phí dự phòng để kịp thời triển khai nhiệm vụ KH&CN, ĐMST trong tình huống đột xuất, cấp thiết bổ sung quy định chấp nhận rủi ro trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, bổ sung

- Bổ sung cơ chế đặc thù, chấp nhận rủi ro, thất bại trong nghiên cứu khoa học để hiện thực hóa các chủ trương về chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, quy định tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không phải hoàn trả NSNN kinh phí đã sử dụng đúng quy định nếu tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm đề tài đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo thuyết minh nghiên cứu và theo quy trình nghiên cứu mà không đi đến kết quả cuối cùng.

- Bổ sung quy định phê duyệt tổng kinh phí dự kiến cho Chương trình KH&CN trong thời gian 5 năm làm căn cứ xác định kinh phí hằng năm. Đối với kinh phí hằng năm, phê duyệt dự toán kinh phí theo danh mục nhiệm vụ và mức trần kinh phí dự kiến cho từng nhiệm vụ.

- Quy định đối với đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, Nhà nước xác định mức trần kinh phí của đề tài và tuyển chọn ý tưởng tốt nhất. Khi trúng tuyển, tổ chức chủ trì có thể huy động thêm kinh phí bên ngoài để triển khai nghiên cứu.

**Điều 40. Đầu tư phát triển tiềm lực KH&CN**

**Điều 41. Cơ chế đầu tư đặc biệt thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt**

Về cơ bản giữ nguyên Điều 54, bổ sung đối tượng áp dụng là nhiệm vụ trong tình huống khẩn cấp (thiên tại, dịch bệnh, hỏa hoạn, thảm họa tự nhiên)

**Điều 42. Huy động nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 55

- Bổ sung nguyên tắc tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

- Tổ chức, cá nhân nhận đầu tư, tài trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước được chi tiêu theo định mức của nhà đầu tư, nhà tài trợ.

**Điều 43. Đầu tư của doanh nghiệp cho KH&CN và ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 56, bổ sung cụm từ ĐMST (mở rộng phạm vi)

**Điều 44. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 57, bổ sung cụm từ ĐMST (mở rộng phạm vi)

**Điều 45. Chính sách ưu đãi đối với hoạt động KH,CN&ĐMST**

Quy định ưu đãi về mua sắm công, đấu thầu ... (mục tiêu khuyến khích, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ KHCN&ĐMST)

**Điều 46. Quy định về đấu thầu, quản lý sử dụng tài sản công đối với hoạt động KH,CN&ĐMST**

- Quy định chung nhằm phù hợp với đặc thù của hoạt động KH,CN&ĐMST

- Làm rõ nội hàm tài sản hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN là sáng chế, thiết kế bố trí, bí mật kinh doanh.

**Điều 47. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cơ bản giữ nguyên Điều 58)**

Kế thừa quy định tại Điều 58

**Điều 48. Các quỹ hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa quy định tại Điều 59:

**"**1. Nhà nước thành lập, khuyến khích tổ chức, cá nhân thành lập quỹ để huy động nguồn lực xã hội nhằm hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập theo quy định của Luật này.

Quỹ đổi mới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm công nghệ cao được thành lập theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Công nghệ cao.

3. Cơ chế, hình thức hỗ trợ, đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của quỹ được thực hiện theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ."

**Điều 49. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia**

Kế thừa quy định tại Điều 60:

"1. Chính phủ thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí cho việc thực hiện nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng; tài trợ, cấp kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thiết, đột xuất có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, khẩn cấp nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng; ~~cho vay với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi để thực hiện việc ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất và đời sống; bảo lãnh vốn vay đối với một số nhiệm vụ khoa học và công nghệ chuyên biệt;~~ hỗ trợ nhà khoa học trẻ tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ quốc gia.

2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn vốn được cấp ban đầu, vốn cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ, kết quả hoạt động của quỹ; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

3. Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động, cơ chế tài chính của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

4. Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục hỗ trợ, tài trợ quy định tại khoản 1 Điều này"

- Bổ sung Kinh phí hoạt động của quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia được cấp hằng năm dựa trên kinh phí tài trợ, hỗ trợ của quỹ.

**Điều 50. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Kế thừa quy định tại Điều 61. Đề xuất 02 phương án:

***Phương án 1: Bỏ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương***

- Ưu điểm: Giải quyết được sự tồn tại không hiệu quả của các Quỹ hiện nay

- Nhược điểm: Cần xây dựng phương án xử lý đối với các Quỹ đã thành lập (nhiệm vụ đã được cấp kinh phí, nhân lực, ... Các nhiệm vụ cần tài trợ, hỗ trợ phải xác định có đáp ứng tiêu chí của nhiệm vụ cấp quốc gia không nếu tập trung vào các quỹ quốc gia (Nafosted, Natif,...) làm tăng khối lượng công việc cho các quỹ này, đồng thời có thể kéo dài thời gian thực hiện thủ tục hơn so với nhiệm vụ được xử lý tài trợ, hỗ trợ tại địa phương.

***Phương án 2: Giữ quy định về Quỹ KH&CN của bộ, ngành, địa phương***

- Ưu điểm: Không làm thay đổi các quy định và sự tồn tại của các quỹ đã được thành lập

- Nhược điểm: Các quỹ đã được thành lập tiếp tục hoạt động không hiệu quả gây lãng phí về nhân lực, tài chính...cần phải sửa đổi các quy định để các quỹ hoạt động hiệu quả hơn (xác định rõ hơn vị trí pháp lý, loại hình...)

**Điều 51.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân**

Kế thừa quy định tại Điều 62

**Điều 52. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp**

Kế thừa quy định tại Điều 63

- Bỏ quy định mức tối thiểu trích lập quỹ của doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích thành lập Quỹ của doanh nghiệp không phân biệt loại hình doanh nghiệp

- bổ sung hành lang cho các quỹ tài trợ, hỗ trợ khoa học và công nghệ ngoài ngân sách.

"1. Doanh nghiệp ngoài nhà nước được khuyến khích thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của mình hoặc đóng góp vào Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của ngành, địa phương và được hưởng quyền lợi theo quy định của Quỹ.

2. Doanh nghiệp nhà nước ~~phải~~ trích ~~một tỷ lệ tối thiểu~~ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

Chính phủ quy định cụ thể ~~tỷ lệ~~ trích thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để thành lập quỹ và cơ chế quản lý, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước.

*(mức trích tối đa không quá 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp, không quy định mức tối thiểu và không phân biệt doanh nghiệp nhà nước hay doanh nghiệp ngoài nhà nước)*

3. Doanh nghiệp có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng quỹ đúng mục đích thành lập quỹ và thông báo việc thành lập quỹ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ địa phương nơi đặt trụ sở chính của doanh nghiệp."

**Điều 53. Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia**

(bổ sung mới, quy định từ Luật Chuyển giao công nghệ và sửa một số quy định về Quỹ này trong Luật Chuyển giao công nghệ)

- Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia do Chính phủ thành lập nhằm mục đích tài trợ, cấp kinh phí, cho vay để thực hiện hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ cho doanh nghiệp gồm:

a) Tài trợ, cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Cho vay ưu đãi với lãi suất thấp hoặc không lấy lãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn;

c) Tôn vinh, trao giải, truyền thông cho doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo;

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tham gia hội nghị, hội thảo quốc tế.

- Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia được hình thành từ nguồn vốn được cấp ban đầu, vốn cấp bổ sung hằng năm từ ngân sách nhà nước dành cho phát triển khoa học và công nghệ, kết quả hoạt động của quỹ; khoản đóng góp tự nguyện, hiến, tặng của tổ chức, cá nhân và nguồn hợp pháp khác.

- Chính phủ quy định Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

**Điều 54*.* Chính sách thuế đối với hoạt động khoa học và công nghệ và ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 64 .

- Bổ sung cụm từ ĐMST

- Quy định các trường hợp được hưởng chính sách ưu đãi về thuế để làm căn cứ đề xuất các chính sách cụ thể trong pháp luật về thuế.

- Quy định về tài trợ của doanh nghiệp cho hoạt động KH,CN&ĐMST có được tính vào khoản tài trợ của doanh nghiệp để trừ đi khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp

- Bổ sung thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị cho nghiên cứu và phát triển;

**Điều 55. Chính sách tín dụng đối với hoạt động khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 65.

- Bổ sung cụm từ ĐMST

**CHƯƠNG VI: HẠ TẦNG KH,CN&ĐMST**

**Điều 56. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 66

- Bổ sung nội hàm hạ tầng kỹ thuật phục vụ phát triển KH,CN&ĐMST và cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển phù hợp với định hướng phát triển KH,CN&ĐMST

- Bổ sung quy định hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp khai thác, sử dụng hiệu quả hạ tầng kỹ thuật; tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nguồn tiếp cận với cơ sở hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian của thị trường công nghệ tăng cường kết nối cung cầu công nghệ.

**Điều 57. Xây dựng hạ tầng phục vụ phát triển công nghệ cao**

Kế thừa quy định tại Điều 67

**CHƯƠNG VII: THÔNG TIN KH,CN&ĐMST**

**Điều 58. Cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin**

Quy định về đầu tư cho hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng thông tin KHCN&ĐMST

**Điều 59.Thống kê KH,CN&ĐMST**

- Hoàn thiện quy định về thống kê KH&CN phục vụ hiệu quả cho hoạt nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST

- Hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê về KH,CN&ĐMST phù hợp với yêu cầu phát triển và thông lệ quốc tế.

**Điều 60. Phát triển tiềm lực thông tin KH,CN&ĐMST**

* Chuyển đổi số trong KH,CN&ĐMST
* Kiểm soát, xử lý thông tin sai lệch trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST

Bổ sung vấn đề kiểm soát và xử lý thông tin sai lệch, thông tin giả mạo trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, nhất là trong thời kỳ bùng nổ trí tuệ nhân tạo (AI) như hiện nay.

**CHƯƠNG VIII: CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ**

**Mục 1: Đề tài KH&CN**

**Điều 61. Đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 25

- Quy định Đề tài KH&CN được thực hiện theo các hình thức: do Nhà nước đặt hàng (top-down) hoặc do Nhà nước tài trợ trên cơ sở lựa chọn đề xuất của tổ chức, cá nhân.

- Quy định về hình thành, triển khai các cụm đề tài, cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội

**Điều 62. Đề xuất đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 26

- Quy định, làm rõ nội dung đề xuất của hai phương thức: Đặt hàng và tài trợ

- Quy định định việc đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của ngành, vùng, địa phương; khuyến khích đề xuất liên quan đến vùng dân tộc thiểu số và miền núi

- Quy định phương thức tài trợ: căn cứ định hướng lĩnh vực trọng tâm của quốc gia, ngành, lĩnh vực, địa phương, tổ chức, cá nhân đề xuất ý tưởng nghiên cứu. Tổ chức, cá nhân có ý tưởng được lựa chọn sẽ xây dựng thuyết minh nhiệm vụ để cơ quan nhà nước xem xét, giao nhiệm vụ và được ưu tiên giao kết quả thực hiện nhiệm vụ để đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và tiến hành thương mại hóa.

- Quy định định tại về triển khai nhiệm vụ trong tình thế cấp thiết, đột xuất, khẩn cấp như dịch bệnh nguy hiểm, thảm họa lớn, thiên tai và các tình huống khẩn cấp khác và giao Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục rút gọn với loại hình nhiệm vụ KH&CN này

- Quy định tiêu chí phân loại nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng theo từng cấp độ gắn với mức trần kinh phí do Nhà nước đầu tư.

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

**Điều 63.Thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 27

- Quy định Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt các Chương trình KH&CN quốc gia đối với một số Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý. Đối với một số chương trình KH&CN, đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cấp quốc gia sẽ giao cho bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì triển khai và quản lý sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và có sự thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bổ sung quy định các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng có quyền phân cấp, ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trực thuộc ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN do cấp mình quản lý.

**Điều 64.Phương thức giao đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 28

- Quy định các phương thức của từng hình thức giao: hình thức đặt hàng và hình thức tài trợ do tổ chức đề xuất trên cơ sở định hướng lĩnh vực nghiên cứu ưu tiên của Nhà nước

**Điều 65.Tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 29 và Điều 30

- Bổ sung quy định giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết và áp dụng quy trình rút gọn đối với loại hình nhiệm vụ này để nhanh chóng đưa kết quả vào hoàn thiện, ứng dụng trên thực tiễn, góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân và giải quyết các vấn đề cấp thiết.

- Bỏ quy định giao nhiệm vụ KH&CN chỉ có một tổ chức KH&CN có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhằm bảo đảm công bằng, công khai trong quá trình tuyển chọn nhiệm vụ KH&CN.

- Bổ sung quy định giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN trong trường hợp đột xuất, khẩn cấp, cấp thiết và áp dụng quy trình rút gọn đối với loại hình nhiệm vụ này để nhanh chóng đưa kết quả vào hoàn thiện, ứng dụng trên thực tiễn, góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe nhân dân và giải quyết các vấn đề cấp thiết (thiên tai, bão lụt...).

- Bổ sung quy định giao trực tiếp cho các nhiệm vụ nghiên cứu phục vụ quản lý nhà nước.

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục đề tài KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục đề tài KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

**Điều 66. Đề tài KH&CN được quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ xét tài trợ**

Kế thừa quy định tại Điều 31

**Điều 67. Đề tài KH&CN liên kết**

Quy định các đề tài KH&CN này thực hiện theo hình thức nhà nước tài trợ sau khi có đặt hàng và tài trợ của doanh nghiệp đối với các cá nhân/tổ chức (viện, trường, nghiên cứu).

**Điều 68. Hợp đồng KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 33

- Quy định nội dung cơ bản của Hợp đồng KH&CN

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục kiểm tra, đánh giá điều chỉnh đề tài KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục đề tài KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

**Điều 69. Quyền và nghĩa vụ của bên đặt hàng/tài trợ và bên nhận đặt hàng/tài trợ**

Kế thừa quy định tại Điều 34 và 35

**Điều 70. Giải quyết tranh chấp hợp đồng khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 36

**Điều 71. Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 37

- Bổ sung quy định về kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh thực hiện đề tài KH&CN

- Quy định giao cho Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục đề tài KH&CN cấp quốc gia, Bộ ngành, địa phương quy định trình tự, thủ tục đề tài KH&CN thuộc phạm vi quản lý (cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở)

**Điều 72. Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài KH&CN**

Kế thừa quy định tại Điều 38

**Điều 73. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 39

**Điều 74. Trách nhiệm tiếp nhận và tổ chức ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 40

- Hoàn thiện quy định về yêu cầu báo cáo việc ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng các kết quả của nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản không phải báo cáo ứng dụng do đặc thù của hoạt động nghiên cứu cơ bản là tạo ra tri thức và được công bố, công khai tại các tạp chí, bài báo

**Mục 2: Chương trình KH&CN**

**Điều 75. Chương trình KH&CN**

- Các quy định chung về Chương trình KH&CN: Nguyên tắc quản lý, khung, bộ máy quản lý

- Bổ sung quy định về cơ chế hình thành và gắn các chương trình KH&CN với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, dự án trọng điểm của ngành, vùng, địa phương. Đối với địa phương, cần có các chương trình KH&CN đặc biệt khuyến khích phát triển sản xuất dựa trên kết quả nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật. Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật theo chuỗi sản xuất có quy mô, để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội mang tính bền vững tại vùng, địa phương. Đồng thời, giao Chính phủ ban hành quy định chi tiết về nội dung này.

**Điều 76.Quản lý Chương trình KH&CN**

- Hoàn thiện quy định về Chương trình KH&CN cấp quốc gia:

+ Quy trình quản lý: Đề xuất; hình thức đặt hàng; tài trợ; tuyển chọn, giao trực tiếp, xét lựa chọn để tài trợ; hợp đồng; kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh, nghiệm thu; xử lý

+ Quy định trách nhiệm, vai trò của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ, ngành chủ trì Chương trình trong quản lý Chương trình KH&CN

- Phân cấp các chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia cho các bộ, ngành. Bộ KH&CN tập trung quản lý các chương trình nghiên cứu cơ bản, các vấn đề nghiên cứu mới. Bổ sung quy định về xây dựng, đề xuất, thẩm định, quản lý, đánh giá chương trình nghiên cứu và phát triển. Bộ KH&CN chịu trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận, thẩm định, trình Thủ tướng phê duyệt các chương trình KH&CN cấp quốc gia; tiến hành đánh giá, thanh tra kiểm tra thực hiện.

- Giao cho bộ, ngành địa phương ban hành các quy định quản lý chương trình khoa học và công nghệ, đề tài nghiên cứu thuộc thẩm quyền.

- Dẫn chiếu, kết nối quy định đánh giá Chương trình đến Chương về đánh giá.

**CHƯƠNG IX. DỰ ÁN ĐMST**

**Điều 77. Dự án ĐMST**

Quy định chung về Dự án ĐMST

- Bao gồm các dự án bắt đầu từ khâu triển khai thực nghiệm cho đến khâu hoàn thiện công nghệ, ứng dụng để đưa ra sản xuất; (các công đoạn chủ yếu được thực hiện ở doanh nghiệp).

- Các nhiệm vụ ĐMST của một số chương trình hiện nay như: Chương trình đổi mới công nghệ, chương trình phát triển tài sản trí tuệ, chương trình năng suất chất lượng của doanh nghiệp, chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, chương trình tìm kiếm chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, chương trình sản phẩm quốc gia, chương trình nông thôn miền núi,....

- Hình thành các chương trình hỗ trợ thương mại hóa kết quả KH&CN theo chuỗi: hỗ trợ các viện nghiên cứu, trường đại học sau khi kết thúc nhiệm vụ nghiên cứu chuyển sang giai đoạn chuẩn bị thương mại hóa kết quả KH&CN; hỗ trợ tiền khởi nghiệp và khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ doanh nghiệp SMEs; hợp tác với các doanh nghiệp lớn; trong đó có cả các chính sách về ưu đãi thuế quan và phi thuế quan.

- Hỗ trợ từ ngân sách để triển khai các dự án ĐMST do doanh nghiệp thực hiện hoặc hợp tác với viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện

- Cách thức triển khai: gồm nhiều hoạt động như tổ chức sự kiện; đào tạo, hỗ trợ nâng cao năng lực; hỗ trợ kết nối thông tin, thị trường; mua bản quyền. Nội dung của dự án ĐMST là để nâng cấp công nghệ, nâng cao khả năng hấp thụ công nghệ, tăng cường chuyển giao và thương mại hóa công nghệ mới từ các trường đại học và các tổ chức nghiên cứu công,… qua đó trang bị cho doanh nghiệp năng lực sử dụng và/hoặc tạo ra công nghệ (đối tượng trung tâm là doanh nghiệp).

- Bổ sung quy định về hình thành, triển khai các cụm dự án quy mô lớn, có tính liên kết giao cho một tổ chức chủ trì thực hiện trong nhiều năm, chia thành nhiều giai đoạn, được đánh giá theo từng giai đoạn với mục tiêu hình thành các sản phẩm chủ lực, các kết quả có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội.

- Cách thức hỗ trợ: thông qua dự án hỗ trợ trực tiếp hoặc dự án vay; hỗ trợ lãi suất

**Điều 78. Quản lý dự án ĐMST**

- Các thức đê xuất, xét chọn dự án ĐMST

- Quy trình quản lý: Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu dự án ĐMST

- Quy định về hợp đồng

- Quy định về thẩm quyền phê duyệt, ký hợp đồng

- Các nội dung quản lý khác

**CHƯƠNG X. CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KH,CN&ĐMST TRONG DOANH NGHIỆP**

**Điều 79. Chính sách, hoạt động thúc đẩy phát triển KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp**

- Hỗ trợ bảo hộ sở hữu trí tuệ; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm mới, chính sách mua sắm công để tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm có cơ hội thâm nhập vào thị trường và phát triển.

- Về chính sách ĐMST; Dịch vụ tư vấn kinh doanh (BAS), dịch vụ đổi mới công nghệ (TES), trung tâm công nghệ, và văn phòng chuyển giao công nghệ. Cụ thể, dịch vụ tư vấn kinh doanh tập trung nâng cao năng lực hấp thụ để áp dụng công nghệ, trong khi dịch vụ đổi mới công nghệ tập trung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng d- ụng công nghệ.

Cơ chế, chính sách phù hợp, vượt trội để hỗ trợ ĐMST, hệ thống ĐMST quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia trong Luật KH&CN; chuyển sang tập trung nhiều hơn vào khuyến khích, đẩy mạnh huy động các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực từ doanh nghiệp tư nhân, xã hội để tổ chức tốt hơn các chiến lược, chính sách về ĐMST, đưa ý tưởng, kết quả nghiên cứu, quy trình mới, sản phẩm mới, mô hình tổ chức, kinh doanh mới vào thực tiễn.

- Xây dựng, hình thành các Chương trình thúc đẩy hoạt động ĐMST: hoạt động ứng dụng công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; đổi mới công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa...

- Quy định thúc đẩy hợp tác doanh nghiệp với viện trường:

- Lưu chuyển nhân lực trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang doanh nghiệp; các chương trình thực tập đối với sinh viên năm cuối; đề tài nghiên cứu sinh thạc sỹ và tiến sỹ để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp;… Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực quản trị công nghệ trong doanh nghiệp.

 - Sáng kiến thúc đẩy hợp tác giữa viện nghiên cứu, trường đại học với doanh nghiệp trong thương mại hóa kết quả KH&CN và cung cấp dịch vụ KH&CN chất lượng cao.

**Điều 80. Nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.**

- Hỗ trợ một phần hoặc toàn phân cho các doanh nghiệp thể được hiện các nội dung sau: phí chuyển giao, bản quyền, bản vẽ, sáng chế, phần mềm, máy móc thiết bị, trang thiết bị, sản xuất thử nghiệm, thông tin dữ liệu, nguyên, nhiên, vật liệu, mẫu vật và các nội dung khác được quy định tại các văn bản hiện hành.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo cho vùng nông thôn, miền núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn 3, Hỗ trợ, khuyến khích thông qua các hoạt động tôn vinh, trao giải, truyền thông cho doanh nghiệp và các nội dung khác được quy định tại các văn bản liên quan.

- Có chính sách ưu đãi hỗ trợ tài chính bao gồm chính sách thuế, tín dụng, chính sách công và các chính sách khác.

**Điều 81. Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa**

- Nhiệm vụ thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về năng suất, chất lượng.

- Tăng cường năng lực thử nghiệm chất lượng, an toàn và sinh thái của sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu chủ lực và hoạt động hợp tác quốc tế về năng suất chất lượng.

**Điều 82. Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ**

- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ ở trong và ngoài nước đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và đăng ký bảo hộ, công nhận giống cây trồng mới.

- Hỗ trợ khai thác sáng chế hết thời hạn bảo hộ

- Biên soạn, phát hành tài liệu về sở hữu trí tuệ.

**Điều 83. Khuyến khích công nghệ trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên**

Các lĩnh vực ưu tiên như: nông nghiệp, công nghệ chế biến, chế tạo, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ biển, công nghệ phòng tránh thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, công nghệ năng lượng, công nghệ môi trường, công nghệ vũ trụ, công nghệ xây dựng giao thông và hạ tầng tiên tiến, thông minh, công nghệ thông tin và truyền thông - Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2023)

- Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ trong …, phổ biến kiến thức khoa học và công nghệ trong … , đẩy nhanh quá trình chuyển đổi và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ trong … vào sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học và công nghệ …..

- Ủy ban nhân dân các cấp khuyến khích, hướng dẫn các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên.

**Điều 84. Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi, sản phẩm chiến lược**

**CHƯƠNG XI. THÚC ĐẨY THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ KH&CN VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ**

**Điều 85. Quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 41

- Hoàn thiện các quy định về chuyển giao kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tạo cơ hội, điều kiện cho tổ chức, cá nhân có đủ năng lực thương mại hóa, ứng dụng các kết quả này tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm, hàng hóa

- Hoàn thiện quy định để giải quyết vướng mắc liên quan đến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí và giống cây trồng trong trường hợp: Xử lý các đối tượng này trong trường hợp không được bảo hộ; chuyển giao quyền trong trường hợp chưa có kết quả bảo hộ để ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu

**Điều 86. Quyền tác giả đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 42 và hoàn thiện quy định để bảo đảm lợi ích của tác giả kết quả

**Điều 87. Phân chia lợi nhuận khi sử dụng, chuyển giao quyền sử dụng, chuyển nhượng, góp vốn bằng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước**

Kế thừa quy định tại Điều 43 và hoàn thiện quy định để bảo đảm lợi ích của các đối tượng

**Điều 88. Công nhận các đề tài KH&CN không sử dụng NSNN**

Bổ sung quy định công nhận các đề tài KH&CN không sử dụng NSNN tương đương nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh

**Điều 89. Trách nhiệm triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều Điều 44

- Hoàn thiện quy định triển khai ứng dụng phù hợp với từng phương thức đặt hàng, tài trợ của đề tài KH&CN

- Giao quyền sử dụng kết quả thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho tổ chức chủ trì để phối hợp với doanh nghiệp hoàn thiện ý tưởng, thương mại hóa kết quả.

**Điều 90.Khuyến khích ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 45

**Điều 91. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội**

Kế thừa quy định tại Điều 46

**Điều 92.Thị trường công nghệ**

Bổ sung quy định chung, nguyên tắc liên quan đến thị trường công nghệ và các thành phần của thị trường công nghệ, liên kết giữa các đối tượng, thành phần của thị trường công nghệ

**Điều 93. Thúc đẩy thị trường công nghệ**

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào thị trường công nghệ như tháo gỡ nội dung cho phép góp vốn bằng tài sản trí tuệ; bổ sung quy định khuyến khích việc liên kết với thị trường quốc tế, phục vụ thương mại hóa công nghệ trong nước và nâng cao hiệu quả việc tiếp thu, làm chủ công nghệ cao, công nghệ lõi, thân thiện môi trường từ các nước phát triển.

- Bổ sung quy định nâng cao năng lực của tổ chức trung gian, tổ chức thúc đẩy ĐMST liên quan đến thị trường KH&CN;

- Đầu tư, phát triển sàn giao dịch công nghệ, điểm kết nối cung - cầu công nghệ.

- Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về chuyên gia, công nghệ, bản đồ công nghệ trong các ngành, lĩnh vực phục vụ hoạt động tìm hiểu, hoàn thiện, nâng cao trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

**CHƯƠNG XII. CHÍNH SÁCH VỀ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO**

 **Điều 94.Đối tượng, thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo**

- Bổ sung quy định xác định các đối tượng, thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và vai trò, mối liên kết của các đối tượng trong hệ sinh thái.

- Bổ sung quy định nguyên tắc khuyến khích các nguồn lực ngoài công lập tham gia, đóng góp vào sự phát triển của hệ sinh thái KNST

**Điều 95.Tổ chức hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo**

- Bổ sung quy định hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật, nâng cao năng lực bộ máy và con người và kinh phí triển khai nội dung hoạt động cho các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.

- Bổ sung cơ chế cho phép các trung tâm bảo lãnh tổ chức thực hiện thử nghiệm, thí điểm triển khai các giải pháp, dịch vụ, sản phẩm mới; Cơ chế cho phép trung tâm khai thác hạ tầng kỹ thuật, phòng thí nghiệm, trang thiết bị, không gian thử nghiệm sẵn có; sử dụng nguồn tài chính hợp pháp để thí điểm đầu tư, cùng đầu tư vốn mồi cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tiềm năng, hoặc góp vốn vào các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

**Điều 96. Hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo công nghệ**

- Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ: hỗ trợ một phần kinh phí cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ trả tiền công lao động trực tiếp và sử dụng các dịch vụ: đào tạo, huấn luyện khởi nghiệp; marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; khai thác thông tin công nghệ, sáng chế; thanh toán, tài chính; đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, đầu tư, thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ một phần kinh phí cung cấp không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến; sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ.

- Hỗ trợ một phần kinh phí tham gia các khóa huấn luyện tập trung ngắn hạn tại một số tổ chức thúc đẩy kinh doanh uy tín ở nước ngoài.

- Kết nối, giới thiệu đối tác, hỗ trợ thủ tục thông qua các đại diện khoa học và công nghệ, đại diện thương mại Việt Nam ở nước ngoài để tiếp cận thị trường nước ngoài.

 - Nội dung hỗ trợ đối với hoạt động của chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo công nghệ: đào tạo, nâng cao năng lực cho khởi nghiệp sáng tạo công nghệ; tư vấn xây dựng chính sách, pháp luật hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công nghệ. Tư vấn hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công nghệ, bao gồm tư vấn về quản trị kinh doanh, truyền thông, phát triển mạng lưới, kết nối quan hệ quốc tế cho khởi nghiệp sáng tạo công nghệ.

- Tăng cường công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng cần thiết cho khởi nghiệp sáng tạo công nghệ;

- Tổ chức ngày hội khởi nghiệp sáng tạo công nghệ trong phạm vi địa bàn, lĩnh vực quản lý; hỗ trợ doanh nghiệp, nhà đầu tư, huấn luyện viên, cố vấn, chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo công nghệ tham gia sự kiện khởi nghiệp sáng tạo công nghệ trong nước, quốc tế; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo công nghệ ở phạm vi quốc gia, quốc tế;

- Xây dựng cổng thông tin khởi nghiệp sáng tạo công nghệ quốc gia

**CHƯƠNG XIII. ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC KH&CN, CHƯƠNG TRÌNH KH&CN**

**Mục 1: Đánh giá tổ chức KH&CN**

**Điều 97. Quy định chung về đánh giá tổ chức KH&CN**

- Nguyên tắc của hoạt động đánh giá: công khai, khách quan, độc lập

- Đối tượng chịu sự đánh giá: tổ chức KH&CN

- Tiêu chí đánh giá: chiến lược phát triển tổ chức; hoạt động và đầu ra nghiên cứu khoa học; hoạt động và đầu ra công nghệ; hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ; giảng dạy và đào tạo; quản lý nguồn nhân lực và tổ chức; trang thiết bị và cơ sở hạ tầng; nguồn kinh phí dành cho nghiên cứu; hợp tác và hợp tác quốc tế

- Phương pháp, hình thức đánh giá

- Tổ chức/đơn vị tiến hành hoạt động đánh giá; các tổ chức đánh giá độc lập trong nước và quốc tế; các đơn vị đánh giá do các Bộ, ngành, địa phương thành lập hoặc chỉ định; chuyên gia đánh giá

**Điều 98. Mục đích đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ**

- Cung cấp cho các tổ chức khoa học và công nghệ biết kết quả hoạt động của họ, khả năng cạnh tranh của họ so với tiêu chuẩn quốc tế và cả điểm mạnh cũng như điểm yếu, từ đó xác định tiềm năng để cải thiện các chiến lược và phương thức tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ của họ.

- Cung cấp thông tin về việc thực hiện và kết quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ nhằm hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước xác định những tổ chức có kết quả hoạt động tốt nhất để ưu tiên đầu tư như: tuyển chọn, xét chọn tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cho vay, tài trợ, bảo lãnh vốn vay của các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ;

- Cung cấp thông tin cho việc hoạch định chính sách phát triển khoa học và công nghệ, quy hoạch hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ.

**Điều 99.Tổ chức đánh giá độc lập**

- Tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân đủ điều kiện thực hiện đánh giá được thực hiện đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. (cân nhắc nội dung này vì đây là bổ sung điều kiện kinh doanh, đồng thời, việc đánh giá ngoài công lập mang tính khuyến khích, không áp đặt).

- Việc đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ phải tuân theo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Điều … Luật này.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

**Điều 100.Chuyên gia đánh giá**

- Cá nhân là chuyên gia am hiểu lĩnh vực đánh giá.

- Có kinh nghiệm đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ.

-Cam kết về sự khách quan, trung thực khi đánh giá.

- Chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

**Điều 101.Cung cấp thông tin, dữ liệu để đánh giá**

Các bộ ngành hợp tác cung cấp thông tin, dữ liệu để đánh giá

**Điều 102. Kết quả đánh giá**

- Quy định về việc sử dụng kết quả đánh giá; công bố, tiếp cận kết quả đánh giá

- Quy định việc đánh giá tổ chức KH&CN công lập là căn cứ để cấp kinh phí hoạt động.

**Điều 104. Kinh phí đánh giá**

Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác

**Mục 2: Đánh giá Chương trình KH&CN**

**Điều 105. Các quy định chung về đánh giá chương trình**

- Quy định về mục đích đánh giá: xác định việc đạt được mục tiêu, xác định một chương trình có hiệu quả hay không và để làm căn cứ triển khai trong giai đoạn tiếp theo.

- Quy định về nguyên tắc đánh giá: công khai, khách quan, độc lập

- Quy định về phương pháp đánh giá: đánh giá mở đầu; đánh giá giữa kỳ; đánh giá cuối kỳ

- Quy định về tiêu chí đánh giá:

- Quy định về đối tượng chịu sự đánh giá: chương trình KH&CN

- Phương pháp, hình thức đánh giáđánh giá: đánh giá thông qua tổ chức đánh giá độc lập, đánh giá bởi chuyên gia

Các chương trình KH&CN sử dụng NSNN phải được tự đánh giá hàng năm, giữa kỳ, cuối kỳ gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ thông qua hệ thống phần mềm quản lý.

**Điều 106. Tổ chức, chuyên gia đánh giá**

- Quy định tổ chức có tư cách pháp nhân, cá nhân đủ điều kiện thực hiện đánh giá được thực hiện đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Quy định chuyên gia đánh giá: cá nhân là chuyên gia am hiểu lĩnh vực đánh giá; Có kinh nghiệm đánh giá tổ chức khoa học và công nghệ; cam kết về sự khách quan, trung thực khi đánh giá; chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

- Quy định: tổ chức, cá nhân thực hiện đánh giá phải chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

**Điều 107. Sử dụng kết quả đánh giá**

- Quy định sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh Chương trình, tiếp tục triển khai hoặc kết thúc Chương trình

**Điều 108. Kinh phí đánh giá**

Nguồn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác

**Điều 109. Công bố, tiếp cận kết quả đánh giá**

Nguyên tắc, phạm vi, phương thức công bố kết quả,

**Điều 110. Kiểm tra, giám sát, điều phối việc đánh giá khoa học và công nghệ**

- Bộ KH&CN quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình KH&CN quốc gia trong các lĩnh vực KH&CN mới, tiên phong, liên ngành , xuyên ngành , liên vùng, có tầm ảnh hưởng lớn trong phạm vi quốc gia và quốc tế. Do vậy, Bộ KH&CN tổ chức đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đối với các chương trình này.

- Các Bộ chuyên ngành quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình KH&CN quốc gia trong lĩnh vực, ngành do mình phụ trách. Các chương trình này cũng chịu sự đánh giá định kỳ (giữa kỳ và cuối kỳ) do Bộ KH&CN tổ chức thực hiện.

- Các chương trình KH&CN do địa phương quản lý và tổ chức thực hiện, chịu sự đánh giá định kỳ theo cơ chế do Bộ KH&CN hướng dẫn.

- Bộ KH&CN chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đánh giá hoạt động KH&CN, kiểm tra, giám sát và điều phối chung hoạt động này trong phạm vi cả nước.

**CHƯƠNG XIV. PHỔ BIẾN, LAN TỎA TRI THỨC KH,CN&ĐMST**

**Điều 111. Quy định chung về phổ biến tri thức**

- Nhà nước bố trí nguồn lực cho phổ biến các sáng kiến, chương trình truyền bá tri thức, kể cả tri thức hàn lâm và khoa học thường thức (đầu tư cho nâng cấp tạp chí khoa học đạt trình độ quốc tế, khuyến khích công bố trong nước; truyền thông đại chúng cho KH&CN; xây dựng các bảo tàng khoa học và không gian sáng tạo trong các trường đại học; tôn vinh hoạt động nghiên cứu, sáng tạo; nâng cao nhận thức, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo;…).

- Quy định việc phân bổ, tái cân đối nguồn lực hợp lý cho các chương trình thúc đẩy ứng dụng tri thức và công nghệ trong cuộc sống, truyền bá tri thức trong người dân và xã hội và quan trọng hơn, cần sử dụng nguồn lực ngoài ngân sách dành cho sự nghiệp KH&CN (ngân sách sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp giáo dục và đào tạo, hợp tác công tư để thu hút nguồn lực từ xã hội) chi cho các hoạt động ứng dụng và truyền bá tri thức

**Điều 112. Truyền thông KH&CN**

- Tạo cơ chế cho các dự án, chương trình, hướng đến mục tiêu lan tỏa tri thức phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đa dạng hóa các phương thức truyền thông, phổ biến tri thức: giáo dục STEM, STEAM cho học sinh; tổ chức các hội nghị, hội thảo; các ngày hội về truyền thông, phổ biến tri thức nhân ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5; quy định các viện nghiên cứu, trường đại học mở cửa phòng nghiên cứu, phòng thí nghiệm cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp tham quan và được hướng dẫn thực hiện hoạt động nghiên cứu; đầu tư nâng cao tiềm lực các tạp chí KH&CN để phổ biến, lan tỏa tri thức; xây dựng bảo tàng khoa học, công viên khoa học với không gian mở; xây dựng cơ sở dữ liệu mở để phổ biến, lan tỏa tri thức, nhất là các kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng cao vào đời sống.

- Các ưu đãi cho chi phí truyền thông KH&CN của các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, v.v…

**Điều 113. Đào tạo, phổ biến tri thức KH&CN**

Trách nhiệm xây dựng, ban hành và thực hiện các chương trình đào tạo, phổ biến khoa học thường thức cho các đối tượng

**Điều 114. Khuyến khích hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và đổi mới sáng tạo**

Kế thừa quy định tại Điều 47

**Điều 115. Tạp chí KH&CN**

**-** Trách nhiệm phát triển, duy trì tạo chí KH&CN công lập.

- Cơ chế ưu đãi, hỗ trợ tạp chí KH&CN công lập và ngoài công lập

**Điều 116. Tham quan kỹ thuật**

- Trách nhiệm xây dựng các chương trình tham quan kỹ thuật, đặc biệt là tại các bảo tàng khoa học, công viên công nghệ.

**Điều 117. Khoa học mở**

- Nhà nước tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tăng cường hợp tác chia sẻ thông tin, các kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước.

- Nhà nước tạo điều kiện cho nhà khoa học, người dân tiếp cận các thông tin, tri thức dữ liệu mở, hệ thống xuất bản mở, hạ tầng khoa học mở, phần cứng mở, phần mềm mã nguồn mở, tính mở đối với đa dạng hóa kiến thức…

**Điều 118. Đổi mới sáng tạo mở**

Thu hút nguồn lực, kết nối để thúc đẩy đổi mới sáng tạo

**Điều 119. Khen thưởng, Giải thưởng về KH,CN&ĐMST**

- Duy trì giải thưởng về KH&CN với các công trình khoa học, nhà khoa học có giá trị cao về khoa học, bổ sung thêm nội hàm về ĐMST

- Bổ sung các giải thưởng của nhà nước các cấp với những hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ của các đối tượng không chuyên như nhà khoa học độc lập.

- Bổ sung các giải thưởng khoa học của nhà nước cho người Việt ở nước ngoài.

- Nghiên cứu quy định về các giải thưởng KH&CN do các tổ chức ngoài công lập, doanh nghiệp tổ chức.

**Điều 120. Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước về KHCN**

- Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ để tặng cho cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình khoa học và công nghệ xuất sắc và được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

- Chính phủ quy định chi tiết việc đặt và tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân về khoa học và công nghệ.

**Điều 121. Giải thưởng KHCN&ĐMST của Bộ, ngành, địa phương**

- Giải thưởng của bộ, ngành, địa phương về khoa học và công nghệ để tặng cho cá nhân là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều công trình khoa học và công nghệ xuất sắc trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương, được xét tặng không dưới 3 năm một lần nếu tiền thưởng lấy từ nguồn ngân sách nhà nước, công bố và trao giải thưởng vào dịp kỷ niệm Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam (ngày 18 tháng 5).

- Bộ, ngành, địa phương căn cứ căn cứ điều kiện cụ thể để quyết định việc tổ chức giải thưởng về khoa học và công nghệ và quy định chi tiết trình tự, thủ tục xét tặng giải thưởng trong phạm vi quản lý.

**Điều 122. Giải thưởng KHCN&ĐMST của tổ chức, cá nhân**

- Giải thưởng về khoa học và công nghệ do tổ chức, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài đặt và tặng nhằm khuyến khích phát triển khoa học và công nghệ tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG XV. HỢP TÁC VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KH,CN&ĐMST**

**Điều 123. Nguyên tắc hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

 Kế thừa quy định tại Điều 70

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

**Điều 124. Hoạt động hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

Kế thừa quy định tại Điều 71

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

- Bổ sung quy định về việc bảo đảm nguồn lực cùng với cơ chế tài chính phù hợp và linh hoạt cho các hoạt động hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST.

**Điều 125. Biện pháp thúc đẩy hội nhập quốc tế về KH,CN&ĐMST**

 Kế thừa quy định tại Điều 72

- Bổ sung các quy định liên quan đến vấn đề hội nhập quốc tế trong lĩnh vực ĐMST.

- Khuyến khích cá nhân tham gia làm việc tại các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực KH&CN..

**CHƯƠNG XVI. TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**Điều 126.Trách nhiệm của Chính phủ**

Kế thừa quy định tại Điều 73

**Điều 127.Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ**

Kế thừa quy định tại Điều 74

**Điều 128. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ**

Kế thừa quy định tại Điều 75

**Điều 129. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

Kế thừa quy định tại Điều 76

**CHƯƠNG XVII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 130. Sửa đổi, bổ sung Điều ...của Luật Chuyển giao công nghệ**

- Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng, đổi mới công nghệ

(Rà soát hoàn thiện, đồng bộ với quy định của Điều 35 Luật CGCN)

- Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Rà soát hoàn thiện, đồng bộ với quy định của Điều 35 Luật CGCN)

- Chương trình Đổi mới công nghệ quốc gia

 (Rà soát hoàn thiện, đồng bộ với quy định tại Điều 37 Luật CGCN)

- Phát triển công nghệ tạo ra và hoàn thiện các sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực (Rà soát hoàn thiện, đồng bộ với nội dung tại Điều 40 Luật CGCN)

**Điều 131. Sửa đổi, bổ sung Điều 105 của Luật Quản lý tài sản công như sau:**

Sửa quy định về xử lý tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đối với trường hợp không được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được thực hiện theo pháp luật về KH,CN&ĐMST...

**Điều 132. Hiệu lực thi hành**

- Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày......

- Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018, Luật số 07/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

**Điều 133. Quy định chuyển tiếp**

- Quy định nguyên tắc đối với nhiệm vụ KH&CN đã được tuyển chọn trước ngày Luật này có hiệu lực

- Quy định nguyên tắc đối với tổ chức KH&CN đã nộp hồ sơ đăng ký hoạt động KH&CN...

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ … thông qua ngày … tháng .. năm …..*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **CHỦ TỊCH QUỐC HỘI****Vương Đình Huệ** |